TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 131/2023/DS - PT Ngày 28 - 11 - 2023 V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Quốc M, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị R, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị R: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1964

2. Anh Trần Quốc T1, sinh năm 1986

3. Chị Trần Ngọc Phương A, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Lệ T, anh Trần Quốc T1, chị Trần Ngọc P Anh: ông Trần Quốc M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022 (có mặt)

4. Anh Thạch S, sinh năm 1978

5. Anh Thạch S1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

6. Chị Thạch Thị Ú, sinh năm 1983 (vắng mặt)

7. Anh Thạch S2, sinh năm 1998

8. Chị Thạch Thị Huyền T2, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Thạch S, anh Thạch S2 và chị Thạch Thị Huyền T2: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022 (có mặt)

9. Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trụ sở: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quốc M trình bày: Ông có thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất ngày 10/8/2020. Nguồn gốc của thửa đất này là của cha ông là ông Trần X để lại cho ông, theo tài liệu đo đạc năm 1983 là thửa đất số 392, tờ bản đồ số 11, diện tích 8.300m^2, năm 1992 ông được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất gồm 2 thửa là thửa 440, tờ bản đồ số 0011, diện tích 2.600m^2 và thửa 441, tờ bản đồ số 0011, diện tích 5.100m^2, loại đất 02 thửa đất này là đất nghĩa địa. Đến năm 2020, ông xin cấp lại quyền sử dụng đất để điều chỉnh lại hiện trạng sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm và ông được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm vào ngày 10/8/2020. Vào khoảng cuối năm 2021, bà Thạch Thị R ngang nhiên lấn chiếm đất của ông, đồng thời bà R làm hàng rào sắt, cột đá thuộc thửa đất nêu trên. Nay ông cầu bà Thạch Thị R tháo dỡ, di dời căn nhà tạm và các công trình kiến trúc có trên đất trả lại cho ông phần đất thực đo diện tích là 211,7m^2 thuộc thửa đất 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2; ông thống nhất giao cho UBND xã H quản lý,

sử dụng phần diện tích đất là công trình cổng chào ký hiệu (B) diện tích 3,5m^2 và ký hiệu (B1) diện tích 6,2m^2 .

Ông Nguyễn Văn K là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Thạch Thị R trình bày: Ông Thạch R1 là cha ruột của bà Thạch Thị R có thửa đất số 402, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.060m^2, loại đất ONT + CLN, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/6/1996. Sau khi ông R1 chết, bà R có làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên được tách ra thành các thửa: 57, tờ bản đồ số 20 diện tích 164,5m^2, loại đất CLN; thửa 58, tờ bản đồ số 20 diện tích 363,8m^2, loại đất ONT + CLN; thửa 100, tờ bản đồ số 20, diện tích 203,7m^2, loại đất CLN; thửa 101, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,5m^2, loại đất CLN; thửa 102, tờ bản đồ số 20, diện tích 35,3m^2, loại đất CLN; thửa 103, tờ bản đồ số 20, diện tích 89,7m^2, loại đất CLN. Bà Thạch Thị R đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 58, 100, 101, 102, 103 còn lại thửa 57 thì chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Lúc này, bà R nghĩ rằng bà đã được cấp đầy đủ số thửa, diện tích nên không có khiếu nại gì. Hiện nay thửa 57 nằm trong thửa 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất cho ông Trần Quốc M, sau đó bà R có tiến hành làm hàng rào và cất một căn nhà tạm trên thửa 57, tờ bản đồ số 20 diện tích 164,5m^2. Trong sổ mục kê bà Thạch Thị R có đứng tên đăng ký đối với thửa 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 164,5m^2. Nay bà Thạch Thị R không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của của ông M. Bà Thạch Thị R có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được UBND huyện C cấp cho ông Trần Quốc M và yêu cầu công nhận cho bà Thạch Thị R đối với thửa đất 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 164,5m^2; Đối với phần diện tích đất là công trình cổng chào ký hiệu (B) diện tích 3,5m^2 và ký hiệu (B1) diện tích 6,2m^2 bà R thống nhất giao cho UBND xã H, huyện C quản lý, sử dụng.

Ông Trần Quốc M là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ T, anh Trần Quốc T1, chị Trần Ngọc Phương A trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày trên của ông.

Ông Nguyễn Văn K là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch S, anh Thạch S2 và chị Thạch Thị Huyền T2 trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày trên của ông. Đối với ông Thạch S1, bà Thạch Thị Ú cách nay trên 20 năm đã bỏ đi qua nước Campuchia sinh sống, nhưng ông Thạch S1 đã chết vào khoảng năm 2021, chỉ còn bà Thạch Thị Ú nhưng hiện nay bà R cũng không liên lạc được với bà Thạch Thị Út . Từ trước đến nay ông Thạch S1, bà Thạch Thị Ú không có sử dụng thửa đất số 402, tờ bản đồ số 11, diện tích 1060m^2, loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, sau này là thửa 57 diện tích 164,5m^2 cũng không có sử dụng gì trên đất.

Tại công văn số 362/UBND-NC ngày 23 tháng 11 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, loại đất CLN, đất tọa lạc tại: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Trần Quốc M ngày 10/8/2020 là đúng chủ thể, điều kiện, diện tích, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc bà Thạch Thị R và ông Thạch S kê khai thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 9,5m^2, ông Thạch T2 kê khai thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 18,4m^2 (theo tài liệu 2006) là do hộ dân tự kê khai, qua kiểm tra các giao dịch về đất đai giữa ông Trần Quốc M và bà Thạch Thị R, ông Thạch S thì các bên không có thực hiện các giao dịch liên quan đến đất đai đối với thửa đất 141. UBND xã H kê khai thửa đất số 66, tờ bản đồ số 20, diện tích 126,4m^2 (theo tài liệu 2006) là do ông Trần Quốc M hiến đất để xây dựng Trụ sở ấp C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H có có ý kiến: Để xây dựng cổng chào xã H, ngày 09/3/2023 đại diện UBND xã H có tiến hành vận động hộ ông Trần Quốc M và hộ bà Thạch Thị R để hiến đất bàn giao mặt bằng nhằm mục đích xây dựng cổng chào. Sau khi được vận động, thuyết phục thì hộ ông Trần Quốc M và hộ bà Thạch Thị R thống nhất hiến đất để bàn giao mặt bằng xây dựng cổng chào xã H, không yêu cầu bồi thường gì. Hiện nay, UBND xã H đã tiến hành xây dựng xong công trình. Nay trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Quốc M và bà Thạch Thị R, UBND xã H yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc M. Buộc bà Thạch Thị R tháo dỡ di dời đi nơi khác gồm: 01 căn nhà bằng tre lá, mái tol, vách tol, nền đất diện tích là 3,9m x 3,7m = 14,43m^2 và hàng rào lưới B40, trụ bê tông cốt thép diện tích là 32,5m x 1,2m = 39m^2, để trả lại cho ông Trần Quốc M phần diện tích 211,7m^2 thuộc thửa đất 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, đất tọa lạc tại: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Giao phần diện tích đất là công trình cổng chào ký hiệu (B) diện tích 3,5m^2 và ký hiệu (B1) diện tích 6,2m^2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý, sử dụng.

Giao cho ông Trần Quốc M được hưởng 26 cây chuối. Buộc ông Trần Quốc M có nghĩa vụ trả giá trị 26 cây chuối trên đất cho bà R theo biên bản định giá ngày 10/5/2022 là 1.040.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Thạch Thị R về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất thửa số 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5505,4m^2, đất tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Trần Quốc M ngày 10/8/2020 và yêu cầu công nhận cho bà

Thạch Thị R đối với thửa đất 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 164,5m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chập thi hành án, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, bị đơn bà Thạch Thị R kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Quốc M đối với thửa 141 và công nhận phần diện tích đất 164,5m^2, thuộc thửa 57 cho bà R.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông M không rút yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Thửa đất 141, diện tích 5.505,4m^2, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của cha ông Trần Quốc M là ông Trần X để lại. Năm 1992 ông Trần Quốc M được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 440 và thửa 441. Đến năm 2020 ông Trần Quốc M xin cấp lại quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 141, diện tích 5.505,4m^2. Tại công văn số: 362/UBND - NC ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định: Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Quốc M đối với thửa đất 141, diện tích 5.505,4m^2 là đúng chủ thể, điều kiện, diện tích, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai. Theo phiếu cung cấp thông tin của của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C thể hiện thửa đất 402 của ông Thạch R1 được tách ra thành 05 thửa: Thửa 58, tờ bản đồ số 20 diện tích 363,8m^2; thửa 100, tờ bản đồ số 20 diện tích 203,7m^2; thửa 101, tờ bản đồ số 20 diện tích 200,5m^2; thửa 102, tờ bản đồ số 20 diện tích 35,3m^2; thửa 103, tờ bản đồ số 20 diện tích 89,7m^2. Đối với thửa 57 thì được chiết ra từ thửa 441 của ông Trần Quốc M. Do đó, kháng cáo của bà Thạch Thị R là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp thực đo 221,4m^2 (phần ký hiệu A) giữa nguyên đơn ông Trần Quốc M với bị đơn bà Thạch Thị R nằm trong diện tích 5.505,4m^2 thuộc

141 tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quốc M vào ngày 10/8/2020 (theo tư liệu năm 2006). Theo ông M cho rằng nguồn gốc của thửa đất 141 này là của cha ông là ông Trần X để lại cho ông, vào khoảng cuối năm 2021 bà Thạch Thị R ngang nhiên lấn chiếm đất của ông M, bà R làm hàng rào sắt, cột đá thuộc thửa đất nêu trên. Còn theo bà Thạch Thị R cho rằng phần đất tranh chấp là của cha bà R là ông Thạch R1 để lại thuộc thửa đất số 402, tờ bản đồ số 11, diện tích 1060m^2, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thạch R1 vào ngày 18/6/1996. Theo bà R, sau khi ông Thạch R1 chết bà làm thủ tục thừa kế thửa đất nêu trên và thửa đất 402 trên được tách ra thành các thửa: 57, tờ bản đồ số 20 diện tích 164,5m^2; thửa 58, tờ bản đồ số 20 diện tích 363,8m^2; thửa 100, tờ bản đồ số 20 diện tích 203,7m^2; thửa 101, tờ bản đồ số 20 diện tích 200,5m^2; thửa 102, tờ bản đồ số 20 diện tích 35,3m^2; thửa 103, tờ bản đồ số 20 diện tích 89,7m^2. Đối với các thửa đất 58, 100, 101, 102, 103 thì bà Thạch Thị R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại thửa 57 thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay thửa 57 là phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.505,4m^2, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc M.

[2] Xét về quá trình kê khai, đăng ký qua các thời kỳ:

Tại phiếu cung cấp thông tin số: 502/PCCTT – CNHCK ngày 23/12/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C thể hiện: Đối với thửa đất 141, diện tích 5.505,4m^2 (theo tư liệu năm 2006): Theo tư liệu năm 1991 thuộc một phần thửa 441, diện tích 5.100m^2 do ông Trần Quốc M kê khai, đăng ký và được cấp quyền sử dụng vào năm 1992. Theo tư liệu năm 1983 thuộc một phần thửa 392, diện tích 8.300m^2 do ông Trần X kê khai, đăng ký (BL 08 -11).

Tại phiếu cung cấp thông tin số: 64/PCCTT – CNHCK ngày 16/02/2022, Công văn số: 109/CV – CNHCK ngày 26/12/2022 và Công văn số 66/CV – CNHCK ngày 08/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C thể hiện: Đối với thửa 402, diện tích 1.060m^2 do ông Thạch R1 kê khai, đăng ký theo tư liệu năm 1992, đến năm 1996 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Thạch R1. Theo tư liệu năm 1983 thuộc thửa 377, diện tích 1.770m^2 do bà Thạch Thị R2 kê khai, đăng ký. Theo tư liệu năm 2006 thì thửa 402 tách thành 05 thửa và một phần đường đất gồm: Thửa 58, tờ bản đồ số 20 diện tích 363,8m^2; Thửa 100 tờ bản đồ số 20 diện tích 203,7m^2; Thửa 101 tờ bản đồ số 20 diện tích 200,5m^2; Thửa 102, tờ bản đồ số 20 diện tích 35,3m^2; Thửa 103, tờ bản đồ số 20 diện tích 89,7m^2; Phần đường đất diện tích 103,8m^2 (BL 51- 52, 145 -146, 275a – 275b).

Tại Công văn số: 94/CCTT –CHCK ngày 05/10/2022, Phiếu cung cấp thông tin số 897/PCCTT- CNHCK ngày 02/11/2022 và Công văn số 47/CNHCK ngày 28/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh huyện C thể hiện: Thửa đất 57, diện tích 9,5m^2 (diện tích 164,5m^2 được đính chính thành diện tích 9,5m^2) được chiết ra từ thửa 441, diện tích 5.100m^2 do ông Trần Quốc M kê khai, đăng ký và được cấp quyền sử dụng vào năm 1992 (BL 131, 147, 162).

Như vậy, qua quá trình kê khai, đăng ký có cơ sở khẳng định thửa 57, diện tích 9,5m^2 chiết ra từ thửa 441 của ông Trần Quốc M chứ không phải chiết từ thửa

402 của ông Thạch R1. Ngoài ra, qua kết quả thẩm định phần đất tranh chấp giữa ông Trần Quốc M với bà Thạch Thị R thể hiện thửa đất 57, diện tích 9,5m^2 không nằm trong vị trí phần đất tranh chấp 221,4m^2 (phần ký hiệu A) (BL 122 – 123).

[3] Tại Công văn số: 362/UBND-NC ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định: Bà Thạch Thị R và ông Thạch S kê khai thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 9,5m^2 là do hộ dân tự kê khai, đăng ký, giữa ông Trần Quốc M với bà Thạch Thị R, ông Thạch S không có giao dịch đất đai liên quan đến thửa 141; việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Trần Quốc M đối với thửa đất 141, diện tích 5.505,4m^2 là đúng chủ thể, điều kiện, diện tích, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai (BL 127).

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], [3] có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp thực đo 221,4m^2 (phần ký hiệu A) là của gia đình ông M, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Thạch Thị R là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, phần cổng chào của UBND xã H nằm trên phần đất tranh chấp chỉ có 6,2m^2 (Phần ký hiệu B1), còn phần còn lại của cổng chào 3,5m^2 (phần ký hiệu B) không nằm trong phần đất tranh chấp 221,4m^2 (phần ký hiệu A). Cấp sơ thẩm lấy diện tích đất tranh chấp 221,4m^2 (phần ký hiệu A) trừ cả phần diện tích cổng chào (B + B1= 9,7m^2), buộc bà Thạch Thị R trả lại phần diện tích đất 211,7m^2 (221,4m^2 – [9,7 m^2]) cho ông Trần Quốc M là chưa chính xác. Trong trường hợp này chỉ lấy diện tích đất tranh chấp 221,4m^2 (phần ký hiệu A) trừ phần diện tích cổng chào nằm trong diện tích đất tranh chấp (phần ký hiệu B1 = 6,2m^2). Do đó, phần diện tích đất tranh chấp mà gia đình bà Thạch Thị R phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Quốc M là 215,2m^2 (221,4m^2 - 6,2 m^2). Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao phần đất 3,5m^2 (phần ký hiệu B) là phần đất thuộc đường nhựa, nằm ngoài phần đất tranh chấp cho UBND xã H là không đúng thẩm quyền; việc tuyên giao phần đất 6,2m^2 (Phần ký hiệu B1), thuộc thửa đất 141 cho UBND xã H quản lý, sử dụng trong khi UBND xã H không có đơn yêu cầu độc lập được Tòa án thụ lý là không đúng thủ tục tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tuyên lại phần này, sửa án sơ thẩm. Việc sửa án này không tính lỗi cho Tòa án cấp sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Thạch Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Thạch Thị R đã nộp theo biên lai thu số 0017529 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bà Thạch Thị R không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị R.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 164, 166, 169, 274, 275 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 5, 6, 166, 170, 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc M.

Buộc bà Thạch Thị R tháo dỡ di dời 01 căn nhà bằng tre lá, mái tol, vách tol, nền đất diện tích là 3,9m x 3,7m = 14,43m^2 và hàng rào lưới B40, trụ bê tông cốt thép diện tích là 32,5m x 1,2m = 39m^2 trả lại cho ông Trần Quốc M phần diện tích 215,2m^2 nằm trong diện tích 5.505,4m^2, thuộc thửa đất 141, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 141 có chiều dài 5,48m.

Hướng Tây giáp thửa 57 và thửa 66 có chiều dài 9,79m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 141 có chiều dài 31,42m

Hướng Bắc giáp đường nhựa và phần còn lại của thửa 141 (phần B1) có 05 đoạn: Đoạn 9,39m, đoạn 1,5m, đoạn 04m, đoạn 1,63m, đoạn 17,8m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)

Giao cho ông Trần Quốc M được hưởng 26 cây chuối nằm trên diện tích đất tranh chấp. Buộc ông Trần Quốc M có nghĩa vụ trả giá trị 26 cây chuối trên đất cho bà Thạch Thị R với số tiền là là 1.040.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Thạch Thị R yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 141, tờ bản đồ số 20, diện tích 5505,4m^2, tọa lạc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Trần Quốc M và yêu cầu công nhận cho bà Thạch Thị R đối với thửa đất 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 164,5m^2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Thạch Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Ông Trần Quốc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007769 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

4. Về chi phí thẩm định và định giá: Số tiền là 3.905.872 đồng. Buộc bà Thạch Thị R phải chịu số tiền 3.905.872 đồng. Ông Trần Quốc M không phải chịu, do ông M nộp tạm ứng số tiền 3.905.872 đồng nên buộc bà Thạch Thị R phải nộp số tiền 3.905.872 đồng để giao trả lại cho ông Trần Quốc M.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Thạch Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Thạch Thị R đã nộp theo biên lai thu số 0017529 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, bà Thạch Thị R không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng